

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Toàn T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 6, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Toàn Thắng và Chị Nguyễn Thị Dinh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Toàn T và chị Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn.

2.2 Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con sau khi ly hôn:

Về nuôi con: Anh Phạm Toàn T và Chị Nguyễn Thị D thỏa thuận: Chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Chúc P, sinh ngày 22-8-2015 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2.4 Án phí dân sự sơ thẩm: Hai bên đương sự thỏa thuận, anh T tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0000393 ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả lại cho anh T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Sái Đức Trung

